

Số: 320/QĐ-BVSN

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

“Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định định mức phẫu thuật, thủ thuật và nhân lực trong từng ca phẫu thuật”

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN SẢN-NHI TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Quyết định số 73/2011/QĐ - TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ Y tế Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực của từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Nghị định số: 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 19/07/2016 của UBND tỉnh;

Căn cứ cuộc họp Ban Giám đốc ngày 18/9/2018 thống nhất về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định định mức phẫu thuật, thủ thuật và nhân lực trong từng ca phẫu thuật tại Bệnh viện;

Theo đề nghị của phòng Kế hoạch tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định định mức phẫu thuật, thủ thuật và nhân lực trong từng ca phẫu thuật tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 296/QĐ-BVSN ngày 31/10/2017 của Bệnh viện Sản-Nhi tỉnh, cụ thể như sau:

1. Khoản 2 Mục II Định mức nhân lực trong thực hiện phẫu thuật, thủ thuật các khoa được bổ sung như sau:

STT	Tên dịch vụ	Loại phẫu thuật, thủ thuật	Số người thực hiện	Ghi chú
	Phẫu thuật tại các khoa			

1	Nong niệu đạo	Loại 3	1	
2	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Loại 3	2	
3	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	Loại 3	1	
4	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	Loại 3	2	
5	Cắt u da đầu lạnh, đường kính dưới 5cm	Loại 2	2	
6	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	Loại 2	2	
Thủ thuật tại các khoa				
1	Chích rạch áp xe nhỏ	ĐB		Không chi
2	Chọc dò tủy sống sơ sinh	Loại 1	1	
3	Chọc dò tủy sống trẻ sơ sinh	Loại 1	1	
4	Chọc hút dịch – khí màng phổi bằng kim hay catheter	Loại 1	1	
5	Đặt catheter động mạch	Loại 1	2	
6	Đặt ống nội khí quản	Loại 1	2	
7	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	Loại 1		Không chi
8	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	Loại 1	1	
9	Điều trị tuỷ răng sữa	Loại 1	1	
10	Đỡ đẻ ngôi ngược	Loại 1	2	
11	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	Loại 1	2	
12	Ép tim ngoài lồng ngực	Loại 1	2	
13	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Loại 1	1	
14	Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)	Loại 1	1	
15	Nạo hút thai trứng	Loại 1	2	
16	Nhổ chân răng sữa	Loại 1		Không chi
17	Nhổ răng sữa	Loại 1		Không chi
18	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ	Loại 1	2	
19	Rửa dạ dày sơ sinh	Loại 1	1	
20	Thở máy bằng xâm nhập	Loại 1	2	
21	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)	Loại 1	2	
22	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	Loại 1	2	
23	Đốt họng bằng khí nitơ lỏng	Loại 1	1	
24	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	Loại 1	2	
25	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợ	Loại 1	1	

26	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	Loại 2	1	
27	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	Loại 2	2	
28	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	Loại 2	1	
29	Chích áp xe tuyến Bartholin	Loại 2	2	
30	Chích áp xe vú	Loại 2	1	
31	Chọc dịch tuỷ sống	Loại 2	1	
32	Chọc dò dịch não tuỷ	Loại 2	1	
33	Đặt ống thông dạ dày	Loại 2	1	
34	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	Loại 2	2	
35	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	Loại 2	2	
36	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	Loại 2	1	
37	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	Loại 2	2	
38	Phá thai to từ 13 tuần đến 22 tuần bằng phương pháp đặt túi nước	Loại 2	2	
39	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	Loại 2	2	
40	Rửa bàng quang lấy máu cục	Loại 2	1	
41	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	Loại 2	1	
42	Thông tiểu	Loại 2	1	
43	Nong niệu đạo và đặt sonde đái	Loại 2	2	
44	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	Loại 2	1	
45	Lấy dị vật âm đạo	Loại 2	2	
46	Dẫn lưu màng phổi liên tục	Loại 2	2	
47	Cắt chỉ khâu da	Loại 3		Không chi
48	Chụp x quang tại giường	Loại 3		Không chi
49	Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	Loại 3	1	
50	Đặt ống thông dạ dày	Loại 3	1	
51	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	Loại 3	1	
52	Đặt sonde bàng quang	Loại 3	1	
53	Đặt sonde hậu môn	Loại 3	1	
54	Đặt ống thông hậu môn	Loại 3	1	
55	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	Loại 3	1	
56	Rửa bàng quang	Loại 3	1	
57	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Loại 3	1	
58	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	Loại 3	1	
59	Siêu âm Doppler mạch máu	Loại 3	1	

60	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	Loại 3	1	
61	Siêu âm Doppler tim, van tim	Loại 3	1	
62	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	Loại 3	1	
63	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Loại 3	1	
64	Thông bàng quang	Loại 3	1	
65	Thông tiểu	Loại 3	1	
66	Thụt tháo	Loại 3	1	
67	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	Loại 3	1	
68	Thụt tháo phân	Loại 3	1	
69	Siêu âm Doppler tuyến vú	Loại 3		Không chi
Thủ thuật tại khoa phẫu thuật gây mê				
1	Chích rạch áp xe nhỏ	Đặc biệt		Không chi
2	Tháo lỏng bằng bơm khí/nước	Loại 1	1	Bs chính+ bs gây mê
3	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Loại 1	1	Bs chính+ bs gây mê
4	Nội xoay thai	Loại 1	2	Bs chính+ bs gây mê
5	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	Loại 1	3	Bs chính+ bs gây mê+ GV
6	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	Loại 1	2	Bs chính+ bs gây mê
7	Bóc nang tuyến Bartholin	Loại 1	2	Bs chính+ bs gây mê
8	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	Loại 2	2	Bs chính+ bs gây mê
9	Nong niệu đạo và đặt sonde đái	Loại 2	2	Bs chính+ bs gây mê
10	Chích áp xe vú	Loại 2	2	Bs chính+ bs gây mê
11	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	Loại 2	2	Bs chính+ bs gây mê
12	Đặt sonde hậu môn	Loại 3		Không chi
13	Soi trực tràng	Loại 3	2	Bs chính+ Bs gây mê
14	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	Loại 3	2	Bs chính+ Bs gây mê
15	Đặt ống thông dạ dày	Loại 3	1	
16	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Loại 3	1	

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2018. Các nội dung tại Quy định định mức phẫu thuật, thủ thuật và nhân lực trong từng ca phẫu thuật tại Bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 296/QĐ-BVSN ngày 31/10/2017 của Bệnh viện Sản-Nhi tỉnh không sửa đổi bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Các ông Trưởng phòng Kế hoạch TH, Tài chính KT, Tổ chức CB và các khoa phòng liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Giám đốc; các PGD BVSN;
- Đăng Website BVSN;
- Lưu VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC



TS.BS. Nguyễn Đình Xuyên